

Bản án số: 10 / 2022/ HNGĐ - ST
Ngày: 29 / 7/ 2022.
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Ông Vũ Nhật Trung.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Hà Giang và bà Bùi Thị Hà.
- **Thư ký ghi biên bản phiên toà:** Ông Vũ Kim Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 52/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc: Ly hôn và tranh chấp về con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐST- HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị P, sinh năm: 1995.
Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện G, thành phố Hà Nội.
- **Bị đơn:** Anh Phạm Văn T, sinh năm: 1992.
Địa chỉ: Xóm 7, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt chị Đỗ Thị P; vắng mặt anh Phạm Văn T, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn chị Đỗ Thị P trình bày: Chị và anh Phạm Văn T được tự do tìm hiểu, sau đó tự nguyện kết hôn với nhau. Chị và anh T đã đến Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình để làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 01 năm 2018. Sau đó chị và anh T được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, sau khi cưới chị và anh T về chung sống hạnh phúc cho đến tháng 3/2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T hay chơi bời, dẫn đến nợ nần nhiều, anh T không tu chí làm ăn, không chăm lo đến cuộc sống gia đình vợ con. Mặc dù tính cách của anh T như vậy, chị đã động viên và hai bên gia đình khuyên bảo anh T sửa đổi tính cách nhưng anh T vẫn không thay đổi mà

ngày một quá ra. Do vậy chị với anh T đã sống ly thân nhau từ tháng 3/2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị và anh T không còn quan tâm đến nhau nữa, hiện tại anh T phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy và đang chấp hành án tại giam Ninh Khánh - Bộ Công an, tại thôn D, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con: Chị và anh Phạm Văn T cho đến nay có một con chung là cháu Phạm Bình A, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2018 hiện cháu đang do chị nuôi dưỡng. Nay chị yêu cầu Tòa án giao cháu A cho chị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống, chị không yêu cầu anh Phạm Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị, vì chị có đủ điều kiện để nuôi cháu; về con riêng chị và anh T không ai có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị và anh Phạm Văn T cho đến nay không có tài sản, về công nợ vợ chồng không có, nên nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai bị đơn là anh Phạm Văn T trình bày: Anh và chị Đỗ Thị P được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau. Anh chị có đến Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình để làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 01 năm 2018. Sau khi cưới anh và chị P về chung sống với nhau cho đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh hay chơi bời, không quan tâm đến vợ con, do vậy giữa anh và chị P hay cãi chửi nhau, mặc dù mâu thuẫn này đã được gia đình khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện thiện được mà ngày càng trầm trọng thêm, do vậy giữa anh và chị P đã sống ly thân từ tháng 3/2019 cho đến nay, trong thời gian này anh và chị P không còn quan tâm đến nhau nữa, nay chị P xin ly hôn anh, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn với chị P.

Về con: Anh và chị P cho đến nay có một con chung như chị P trình bày là đúng, nay ly hôn anh nhất trí và yêu cầu Tòa án giao cháu Phạm Bình A, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2018 cho chị Đỗ Thị P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống, anh không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị P, về con riêng anh và chị P không ai có, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh và chị P không có tài sản và công nợ, do vậy nay ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm: Về thủ tục: Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Anh Phạm Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được giải quyết theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị P, xử cho ly hôn với anh Phạm Văn T. Về con: Giao cháu Phạm Bình A, sinh ngày 16

tháng 12 năm 2018 cho chị Đỗ Thị P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống, anh Phạm Văn T không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị P và có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung. Về tài sản chị P và anh T không có và không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí chị Đỗ Thị P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình để sung ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Chị Đỗ Thị P có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Phạm Văn T, có địa chỉ tại xã K, huyện Y. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Y, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh Phạm Văn T vắng mặt vì lý do anh có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Đỗ Thị P và anh Phạm Văn T đã có thời gian tự do tìm hiểu nhau, sau đó anh chị đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 01 năm 2018, quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung cùng nhau được thời gian ngắn thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do anh T không tu chí làm ăn, hay chơi bời, nợ nần dẫn đến vợ chồng hay cãi chửi nhau. Do chung sống không có hạnh phúc nên chị P và anh T đã sống ly thân từ tháng 3/2019, nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã vào Trại giam Ninh Khánh và làm việc với anh T. Tại bản tự khai anh Phạm Văn T nhất trí theo yêu cầu khởi kiện của chị P: Về hôn nhân: Anh cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn cùng với chị P. Về con: Anh nhất trí giao cháu A cho chị P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống, anh không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị P anh nhất trí. Về tài sản không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Hội đồng xét xử nhận thấy việc chị P và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị P, xử cho ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con: Chị P và anh T đều thống nhất: Giao cháu Phạm Bình A cho chị P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống, anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi

con chung cho chị P, về con riêng không ai có nên chị P và anh T không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản: Chị P và anh T đều xác định vợ chồng không có tài sản và công nợ, nên chị P và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị P là nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật để sung ngân sách Nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/BUTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị P về việc “Ly hôn, tranh chấp về con khi ly hôn” đối với anh Phạm Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị P được ly hôn anh Phạm Văn T.

- Về con: Giao cháu Phạm Bình A, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2018 cho chị Đỗ Thị P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Anh Phạm Văn T không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Đỗ Thị P và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Chị Đỗ Thị P và anh Phạm Văn T, xác định không có tài sản nên không có yêu cầu. Do vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Đỗ Thị P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số AA/2021/0005570 ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại

Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Y.
- Chi cục THA DS huyện Y.
- UBND xã K.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

Vũ Nhật Trung